

## **TRIẾT HỌC SINH THÁI – MỘT NGÀNH NGHIÊN CỨU MỚI MÀ KHÔNG MỚI TRONG LĨNH VỰC TRIẾT HỌC HIỆN NAY**

**Phạm Công Nhất<sup>1\*</sup>**

<sup>1</sup>*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*

\* *Email: nhatpc@vnhu.edu.vn*

*Ngày nhận bài: 07/07/2024*

*Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 12/08/2024*

*Ngày chấp nhận đăng: 19/08/2024*

### **TÓM TẮT**

Với tính cách là một chuyên ngành triết học, triết học sinh thái là cách tiếp cận triết học – xã hội đối với hiện trạng môi trường sinh thái nhân văn, về sự tồn tại và thích ứng bền vững giữa sự tồn tại của con người trong mối quan hệ với tự nhiên và xã hội. Việc hình thành và phát triển của triết học sinh thái là một tất yếu trong lịch sử phát triển tư tưởng loài người. Mặc dù sự hình thành và phát triển của triết học sinh thái trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong điều kiện hiện nay còn gặp nhiều khó khăn và thách thức nhưng triển vọng phát triển của triết học sinh thái là vô cùng to lớn.

*Từ khóa: biện chứng tự nhiên, khoa học liên ngành, phát triển bền vững, triết học sinh thái.*

### **ECOPHILOSOPHY – A NEW YET FAMILIAR FIELD OF STUDY IN CONTEMPORARY PHILOSOPHY**

#### **ABSTRACT**

As a philosophical discipline, ecological philosophy is a philosophical–social approach to the current state of the human ecology environment, about the existence and sustainable adaptation of human beings in their relationship with nature and society. The formation and development of ecological philosophy is inevitable in the history of human cognition development. Although the formation and development of ecological philosophy in the world in general and Vietnam in particular in the current context still face many difficulties and challenges, there are bright development prospects for ecological philosophy.

*Keywords: ecological philosophy, interdisciplinary science, natural dialectics, sustainable development.*

#### **1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Triết học sinh thái là một thuật ngữ được dùng để diễn đạt về một chuyên ngành triết học chuyên ngành mới xuất hiện trong những năm gần đây. Mặc dù mới xuất hiện nhưng triết học sinh thái lại tỏ ra có một ảnh hưởng ngày càng to lớn bởi không chỉ tính chất liên ngành trong nghiên cứu mà còn thể hiện tính thực tiễn, tính thời đại mang tính cấp bách của

nó. Bài viết này muốn giới thiệu một cách khái quát về quan niệm, cơ sở hình thành, những khó khăn, thách thức cũng như những triển vọng đang đặt ra cho một chuyên ngành mới của triết học hiện đại – triết học sinh thái.

#### **2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Trong bài báo này, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu phổ biến trong lĩnh vực triết học như hệ phương pháp

nghiên cứu của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; các phương pháp chung như: phân tích, tổng hợp,... Ngoài ra, tác giả còn sử dụng một số phương pháp đặc thù liên ngành của triết học sinh thái như đối chiếu, so sánh cũng như sử dụng một số kết quả nghiên cứu của các ngành và liên ngành khoa học về môi trường hiện đại như sinh thái học, xã hội học môi trường, triết học nhân văn môi trường,...

### 3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Quan niệm chung về triết học sinh thái

Triết học sinh thái (còn gọi là triết học môi trường, ecological philosophy) là một nhánh của triết học hiện đại quan tâm đến môi trường tự nhiên và vị trí của con người (Belshaw, 2001). Trong đó, nó đặt ra những câu hỏi quan trọng về mối quan hệ môi trường của con người như: mục đích của chúng ta là gì khi bàn về tự nhiên? giá trị của môi trường tự nhiên, tức là môi trường không phải của con người, đối với chúng ta hay của chính nó là gì? chúng ta nên ứng phó thế nào với những thách thức môi trường như suy thoái môi trường, ô nhiễm và biến đổi khí hậu? làm thế nào chúng ta có thể hiểu rõ nhất mối quan hệ giữa thế giới tự nhiên với công nghệ và sự phát triển của con người? và vị trí của chúng ta trong thế giới tự nhiên là gì?. Như vậy, triết học sinh thái có vị trí hết sức quan trọng như một lĩnh vực được thiết lập để đối phó với những thách thức của nhân loại trong thế kỉ XXI. Nội dung nghiên cứu của triết học sinh thái ngày nay ngày càng mở rộng. Nó bao gồm các vấn đề: đạo đức môi trường, thẩm mỹ môi trường, nữ quyền sinh thái, thông điệp môi trường và thần học môi trường,... Một số vấn đề mà triết học sinh thái thường quan tâm trong các giai đoạn nghiên cứu trước đây cũng như hiện nay là: định nghĩa về môi trường và tự nhiên, cách đánh giá môi trường, thái độ và đạo đức của con người khi đối diện với thế giới sự sống của các loài động vật và thực vật, đặc biệt là những loài có nguy cơ tuyệt chủng, chủ nghĩa môi trường và sinh thái sâu (deep ecology), giá trị thẩm mỹ của tự nhiên, khôi phục môi trường tự nhiên, quan tâm đến các thế hệ tương lai,...

Cho đến nay, chưa có một định nghĩa thống nhất về triết học sinh thái. Một số tác giả ngoài nước cho rằng: triết học sinh thái là một khái niệm thuộc triết học khoa học, là một trường con của triết học. Mối quan tâm chính của nó tập trung vào việc thực hành và ứng dụng sinh thái, các vấn đề đạo đức và sự giao thoa giữa vị trí của con người và các thực thể khác (Taylor & Peter, 2014). Các chủ đề nghiên cứu của triết học sinh thái cũng thường trùng lặp với các chủ đề nghiên cứu của siêu hình học, bản thể học và nhận thức luận. Triết học sinh thái cố gắng trả lời các câu hỏi nghiên cứu của siêu hình học, nhận thức luận, đạo đức môi trường và chính sách công (Keller & Golley, 2000). Mục đích của triết học sinh thái là làm rõ và phê phán “các nguyên tắc đầu tiên”, là những giả định cơ bản có trong khoa học và khoa học tự nhiên. Mặc dù vẫn chưa có sự thống nhất về những nội dung nghiên cứu của triết học sinh thái cũng như việc đưa ra được một định nghĩa chung về triết học sinh thái còn đang tranh luận, nhưng có một số vấn đề trọng tâm mà các nhà triết học sinh thái xem xét lại khá tương đồng với vai trò, mục đích và nội dung nghiên cứu của các nhà sinh thái học thực hành. Ví dụ, họ cũng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến “bản chất của môi trường tự nhiên”, các vấn đề liên quan đến môi trường sinh thái và các mối quan hệ liên quan đến môi trường sinh thái (Brenner, Joseph E., 2018).

Trong khi đó, tại Việt Nam, các nghiên cứu về triết học sinh thái còn chưa nhiều, đa phần là kết hợp với các nghiên cứu khác nên các quan niệm về đối tượng, nội dung nghiên cứu của triết học sinh thái cũng khác nhau. Một số quan điểm rất đáng chú ý, như tác giả Hồ Sĩ Quý cho rằng: triết học hiện nay cần đi sâu nghiên cứu đạo đức môi trường hay đạo đức sinh thái trong bối cảnh môi trường bị suy giảm, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao đạo đức môi trường, “*cần phải đưa yêu cầu bảo vệ môi trường thành một tiêu chí đánh giá đạo đức*” (Hồ Sĩ Quý, 2005). Trong khi đó, lại có những tác giả và các công trình nghiên cứu quan tâm đến nội dung rộng hơn của triết học sinh thái gắn với bối cảnh Việt Nam hiện nay. Tác giả Nguyễn Thị Ngọc Trâm với nhiều

công trình nghiên cứu và công bố rải rác những năm gần đây lại cho rằng: nghiên cứu triết học sinh thái ở Việt Nam hiện nay về thực chất là nghiên cứu “triết học xã hội về môi trường” hay “nghiên cứu về môi trường sinh thái ở Việt Nam dưới góc độ triết học – xã hội”. Đó là quá trình nghiên cứu “các nguyên lí cơ bản của mối quan hệ giữa con người và xã hội với tự nhiên; các triết lí tổng quát về mối quan hệ con người – xã hội – tự nhiên; các khái niệm cơ bản liên quan đến môi trường sinh thái ở Việt Nam; một số quan điểm về sinh thái học nhân văn, sinh thái nhân văn và môi trường sinh thái nhân văn; một số vấn đề cơ bản của môi trường sinh thái nhân văn ở Việt Nam...” (Phạm Thị Ngọc Trâm, 2016). Mặc dù còn nhiều ý kiến khác nhau, nhưng hầu hết các quan niệm trên đều có điểm chung cho rằng: có thể cho thấy triết học sinh thái là một trong những chuyên ngành khoa học về sinh thái, là cách tiếp cận triết học – xã hội đối với hiện trạng môi trường sinh thái nhân văn, về sự tồn tại và thích ứng bền vững giữa sự tồn tại của con người trong mối quan hệ với tự nhiên và xã hội.

Ở đây, tác giả phân biệt triết học sinh thái với sinh thái học. Về mặt hình thức, giữa triết học sinh thái với sinh thái học có điểm giống nhau bởi chúng đều là các khoa học về sinh thái. Tuy nhiên, về mặt nội dung nghiên cứu thì chúng lại hoàn toàn khác nhau. Nếu như triết học sinh thái coi các quy luật chung nhất về mối liên hệ cân bằng trong sự tác động qua lại giữa ba lĩnh vực: tự nhiên, xã hội và con người là đối tượng nghiên cứu của mình, thì sinh thái học lại “nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường trọn vẹn và của từng yếu tố của môi trường đối với sinh vật; đối với sự hình thành của các đặc điểm hình thái học và sinh lí học; đối với số lượng cá thể của sinh vật và quần thể sinh vật; quan hệ bên trong loài và giữa các loài với nhau và giữa chúng với môi trường” (Hội đồng Quốc gia, 2005). Sinh thái học có phần trùng lặp với các ngành khoa học liên hệ mật thiết gồm: địa sinh lí học, sinh học tiến hoá, di truyền học, tập tính

học và lịch sử tự nhiên. Nói cách khác, sinh thái học là một phân ngành của sinh học và nó cũng khác với Chủ nghĩa môi trường<sup>1</sup> (environmentalism). Như vậy, có thể hiểu sinh thái học là môn khoa học nghiên cứu về sự phân bố, sinh sống của những sinh vật sống và các tác động qua lại giữa các sinh vật và môi trường sống của chúng. Về mặt phân loại học, giữa triết học sinh thái với sinh thái học là hai ngành khoa học khác nhau không chỉ về đối tượng nghiên cứu mà ngay cả lĩnh vực nghiên cứu cũng khác nhau. Như vậy, có thể thấy, mối quan hệ giữa triết học sinh thái và sinh thái học là mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng trong lĩnh vực nhận thức khoa học của loài người. Cũng vì vậy, việc đặt vấn đề nghiên cứu và giới thiệu triết học sinh thái của trong bài báo này là hoàn toàn cần thiết và cấp bách trong nhận thức khoa học hiện nay.

### 3.2. Về lịch sử

Mặc dù khái niệm triết học sinh thái chỉ xuất hiện vào những năm gần đây nhưng tư tưởng về triết học sinh thái đã có từ rất sớm trong triết học cổ ở phương Đông và phương Tây. Trong triết học phương Đông, xuất phát từ mô hình vũ trụ về sự thống nhất trong sự tồn tại của con người và giới tự nhiên mà các nhà triết học Trung Quốc cổ đại đã cho rằng: con người là một bộ phận trong “tam tài” (Thiên – Địa – Nhân), con người là một phần của vũ trụ, đồng thời mỗi một con người lại là một vũ trụ thu nhỏ (thân nhân tiêu thiên địa), cho nên cuộc sống của con người không tách rời với môi trường xung quanh mình và với vũ trụ, trời đất. Triết lí về việc con người cần phải nhận thức mình là một phần của tự nhiên, phải thực hiện lối sống “thuận theo tự nhiên” đã được thể hiện rất rõ trong các học thuyết triết học của người Trung Quốc cổ xưa như “Thiên Nhân hợp nhất”, “Âm dương Ngũ hành” hay trong Kinh Dịch. Người Ấn Độ lại cho rằng: mối quan hệ giữa con người và vũ trụ là mối quan hệ giữa cái Tiểu ngã (Atman) và cái Đại ngã (Brahman), là mối quan hệ giữa cái bộ phận và cái toàn thể, vừa

<sup>1</sup> Một phong trào xã hội và triết lí rộng lớn xuất hiện vào những năm 60 của thế kỉ XX ở Mỹ nhằm thúc đẩy các hoạt động bảo tồn và cải thiện môi trường.

có sự thống nhất vừa có sự khác biệt nên triết lí về vũ trụ quan và nhân sinh quan trong nhiều môn phái triết học Ấn Độ đã cố gắng đi tìm lời giải cho sự thống nhất đó thông qua các thuyết: vô thường, luân hồi,...

Khác với triết học phương Đông, triết học phương Tây chủ yếu hình thành trên phương thức tư duy duy lí nên việc quan niệm về mối quan hệ giữa con người và trời đất tương đối tách bạch và thường được lí giải một cách siêu hình. Tuy nhiên, một số nhà triết học biện chứng phương Tây đầu tiên như Heraclitus (535 TCN – 475 TCN) lại cho rằng: thế giới luôn nằm trong một sự thống nhất. Trong thế giới đó, mọi sự vật luôn luôn thay đổi, vận động, phát triển không ngừng. Thế giới như một dòng chảy, cứ trôi đi mãi, “không ai có thể tắm hai lần trên cùng một dòng sông” (Hà Thúc Minh, 1996). Nhà triết học Protagoras (490 TCN – 420 TCN) với luận điểm cho rằng: “Con người là thước đo của mọi vật” (Man is the Measure of All Things) (Joshua, 2012). Đặc biệt, ông cũng là người đầu tiên nêu lên vai trò và vị trí của con người trong thế giới hiện thực. Trong thời kì phục hưng ở phương Tây, truyền thống tôn vinh con người, coi sự tồn tại của con người gắn liền với sự tồn tại của giới tự nhiên đã được các nhà triết học tiếp tục đề cao.

Bước sang thời kì cận đại ở các nước phương Tây, bên cạnh trào lưu quan niệm siêu hình về thế giới (chủ yếu là thế giới quan của khuynh hướng triết học duy vật siêu hình), các quan niệm về tính thống nhất của thế giới đã xuất hiện dưới nhiều hình thức triết học đa dạng, từ lí thuyết về “cái đơn tử” trong triết học của W.G.Leibniz (1646 – 1716) đến thuyết về “ý niệm tuyệt đối” của nhà triết học G.W.F.Hegel (1770 – 1831) dù rằng quan niệm về tính thống nhất của thế giới, về mối quan hệ tương tác qua lại giữa con người với thế giới tự nhiên đều được thể hiện trên lập trường duy tâm. Dấu sao thì “hạt nhân hợp lí” của phép biện chứng trong triết học duy tâm Đức nửa cuối thế kỉ XVIII và đầu thế kỉ XIX là một trong những cơ sở lí luận quan trọng để hình thành nên phép biện chứng duy vật của triết học Mác –

phương pháp luận quan trọng của triết học sinh thái mácxít.

C.Mác (Karl Marx, 1818 – 1883) và Ph.Ăngghen (Friedrich Engels, 1820 – 1895) là những nhà lí luận tiên phong cho việc hình thành triết học sinh thái mácxít. Trong rất nhiều tác phẩm của mình cả C.Mác và Ph.Ăngghen không giấu giếm muốn xây dựng một học thuyết triết học có tính chất “hoàn bị” nhằm hướng tới giải phóng con người. Tuy nhiên, hai ông cũng cho rằng: muốn giải phóng được con người thì trước hết cần phải tôn trọng một sự thật là: con người chính là một bộ phận hữu cơ của giới tự nhiên, là kết quả lâu dài trong sự tiến hoá của tự nhiên. Cố nhiên, nếu so với phần còn lại của giới tự nhiên thì con người chính là “cái cơ thể phức tạp nhất mà giới tự nhiên sản sinh ra được” (C.Mác & Ph.Ăngghen, 1994). Đứng như C.Mác diễn giải: “Con người sống dựa vào tự nhiên. Như thế có nghĩa tự nhiên là thân thể của con người. Để khỏi chết, con người phải ở trong quá trình giao dịch thường xuyên với thân thể đó. Sinh hoạt vật chất và tinh thần của con người liên hệ khăng khít với bản thân tự nhiên, vì con người là một bộ phận của tự nhiên” (C.Mác, 1973). Tuy nhiên, có một điểm mà cả C.Mác và Ph.Ăngghen luôn luôn nhấn mạnh là: mặc dù có nguồn gốc từ giới tự nhiên cũng như trong quá trình tồn tại và phát triển, con người không tránh khỏi sự lệ thuộc và ràng buộc bởi giới tự nhiên, nhưng với tư cách là một động vật có “tính loài”, con người cũng luôn biết cách tác động vào tự nhiên, làm cho tự nhiên thay đổi theo mục đích của con người, nghĩa là con người chính là loài động vật duy nhất có khả năng làm chủ hoàn cảnh, làm chủ tự nhiên và điều đó đã tạo ra cơ hội giúp cho con người có khả năng tồn tại và thích nghi tốt hơn so với các loài động vật khác, bởi trong quá trình chinh phục tự nhiên, con người đã biết tạo ra cho mình một “thiên nhiên thứ hai”, tức là xã hội loài người. Do đó, “xã hội là sự thống nhất bản chất đã hoàn thành của con người với tự nhiên, sự phục sinh chân chính của tự nhiên ...” (C.Mác & Ph.Ăngghen, 1995). Tuy nhiên, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác cũng lưu ý rằng: “Trong tự nhiên không có cái gì xảy ra một

cách đơn độc cả. Hiện tượng này tác động đến hiện tượng kia và ngược lại” (C.Mác & Ph.Ăngghen, 2004). Do đó, Ph.Ăngghen cảnh báo: “Chúng ta không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với tự nhiên. Bởi vì mỗi lần chúng ta đạt được thắng lợi là mỗi lần tự nhiên trả thù lại chúng ta” (C.Mác & Ph.Ăngghen, 1995). Như vậy, học thuyết triết về giải phóng con người trong triết học Mác không chỉ đơn thuần là lí luận về giải phóng xã hội mà còn là giải phóng về mặt tự nhiên đối với con người. Việc giải phóng con người về mặt tự nhiên không chỉ đơn thuần là giải thoát sự lệ thuộc hoàn toàn của con người vào giới tự nhiên mà sâu xa hơn là làm thế nào để cho con người phải biết cách tồn tại, thích nghi và chung sống hoà bình với giới tự nhiên, biết khai thác tự nhiên và sử dụng tự nhiên một cách hợp lí và bền vững. Có thể coi đây là lí luận hết sức quan trọng của triết học Mác để hình thành nên nội dung nghiên cứu của triết học sinh thái sau này.

Bước sang thế kỉ thứ XX, tư tưởng về triết học sinh thái được thể hiện khá đa dạng. Qua đó, một số bộ môn khoa học rất gần với triết học sinh thái được hình thành đồng thời đã được rất nhiều các tác giả tập trung nghiên cứu như: Đạo đức sinh học (Bioethics), Đạo đức y học (Medical Ethics). Đặc biệt, một số bộ môn khoa học như: Đạo đức môi trường (Environmental Ethics) của Ando Leopold (Mỹ), Đạo đức sinh thái (Ecological Ethics) của Arne Næss, ... (Hồ Sỹ Quý, 2005) cùng với các kết quả nghiên cứu đã đạt được từ các bộ môn khoa học này đã trở thành những tiền đề lí luận rất quan trọng để bộ môn triết học sinh thái ra đời.

Triết học môi trường xuất hiện như một phong trào xã hội lớn trong những năm 1970. Phong trào này là một nỗ lực nhằm kết nối với cảm giác xa lánh thiên nhiên của con người một cách liên tục trong suốt lịch sử (Weston, 1999). Điều này liên quan rất chặt

chẽ đến sự phát triển cùng thời điểm của chủ nghĩa nữ quyền sinh thái (Ecofeminism)<sup>2</sup>, một ngành học giao thoa. Kể từ đó, lĩnh vực quan tâm của nó đã mở rộng đáng kể.

Lĩnh vực này ngày nay được đặc trưng bởi sự đa dạng đáng chú ý về các cách tiếp cận văn hóa, triết học và phong cách đối với các mối quan hệ môi trường của con người, từ những phản ánh cá nhân, thi ca về trải nghiệm môi trường và các lập luận ủng hộ thuyết toàn tâm lí cho đến các ứng dụng của lí thuyết trò chơi Malthusian<sup>3</sup> hoặc câu hỏi làm thế nào để đặt một giá trị kinh tế vào sự vận hành tự nhiên và không làm ảnh hưởng tiêu cực đến thiên nhiên. Một cuộc tranh luận lớn nảy sinh trong những năm 1970 và 80 của thế kỉ XX là liệu thiên nhiên có giá trị nội tại độc lập với các giá trị của con người hay liệu giá trị của nó chỉ đơn thuần là công cụ, với các cách tiếp cận sinh thái lấy sinh thái làm trung tâm hoặc sinh thái sâu sắc xuất hiện một mặt so với các cách tiếp cận lấy con người theo chủ nghĩa hệ quả hoặc chủ nghĩa thực dụng trên khác.

Một cuộc tranh luận khác nảy sinh vào thời điểm hiện nay là cuộc tranh luận về việc liệu có thực sự có thứ gọi còn gọi là hoang dã hay không, hay liệu nó chỉ đơn thuần là một công trình văn hóa mang hàm ý thuộc địa. Kể từ đó, việc đọc lịch sử và diễn ngôn môi trường đã trở nên quan trọng và tinh tế hơn. Trong cuộc tranh luận đang diễn ra này, rất nhiều tiếng nói bất đồng trong số các nhà nghiên cứu môi trường, trong đó có các nhà triết học sinh thái đã xuất hiện từ các nền văn hóa khác nhau trên toàn cầu đặt câu hỏi về sự thống trị của các giả định phương Tây giúp chuyển đổi lĩnh vực này.

Bước sang những năm đầu thập niên của thế kỉ XXI, đã có một thách thức đáng kể đối với hệ sinh thái sâu (deep ecology) và các khái niệm về tự nhiên làm nền tảng cho nó. Một số người cho rằng thực sự không có cái

<sup>2</sup> Ecofeminism, một trào lưu tư tưởng xuất hiện ở Pháp vào giữa thập niên 70 của thế kỉ XX. Các nhà tư tưởng theo chủ nghĩa nữ quyền sinh thái dựa trên khái niệm “giới” để phân tích mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên.

<sup>3</sup> Evolutionary, lí thuyết trò chơi tiến hóa (EGT) là ứng dụng của lí thuyết trò chơi vào các quần thể đang phát triển trong sinh học.

gì gọi là tự nhiên ngoài một số công trình tự mâu thuẫn và thậm chí đáng ngờ về mặt chính trị của một lí tưởng khác bỏ qua những tương tác thực sự giữa con người và môi trường đang hình thành nên thế giới và cuộc sống của chúng ta. Điều này lần lượt được coi là những bước ngoặt của Chủ nghĩa hậu hiện đại (Postmodernism), Chủ nghĩa cấu trúc (Structuralism) và gần đây nhất là Chủ nghĩa hậu tự nhiên (Post-naturalism) trong triết học sinh thái. Hiện nay, một số vấn đề về thẩm mỹ, tái cấu trúc và phục hồi môi trường đã nổi lên như những ngành giao thoa quan trọng giúp thay đổi ranh giới của tư tưởng về môi trường cũng như khoa học về biến đổi khí hậu và đa dạng sinh học cũng như các câu hỏi về đạo đức, chính trị và nhận thức luận mà chúng đặt ra. Ngày nay, triết lí sinh thái là một lĩnh vực đang phát triển và ngày càng có ảnh hưởng quan trọng trong giới học thuật nghiên cứu toàn thế giới.

### **3.3. Một số nội dung nghiên cứu chủ yếu của triết học sinh thái hiện nay dưới góc nhìn của triết học mácxít**

Khác với phần lớn các chuyên ngành triết học truyền thống, triết học sinh thái là một chuyên ngành triết học mang tính liên ngành. Đây là một bộ môn khoa học vừa thể hiện được các hình thức của tư duy triết học truyền thống, song cũng bao hàm trong đó các kết quả nghiên cứu thực chứng của các khoa học thực nghiệm về sinh thái. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, triết học sinh thái khác với các khoa học khác về sinh thái ở chỗ nó không tiếp cận trực tiếp, thực chứng về những vấn đề có liên quan đến môi trường sinh thái mà đứng trên bình diện tổng quát nó xem xét, phân tích môi trường sinh thái (cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội) – môi trường mà trong đó con người có thể thể thích nghi, tồn tại và phát triển bền vững.

Về nội dung nghiên cứu, khác với các khoa học sinh thái khác, nội dung nghiên cứu của triết học sinh thái tập trung vào bốn nhóm vấn đề chính sau đây:

*Một là*, thế giới thống nhất ở tính vật chất. Đây là điểm xuất phát của triết học sinh thái.

Thừa nhận thế giới là thống nhất và thống nhất ở tính vật chất của nó không chỉ là quan điểm duy nhất của triết học Mác mà còn là quan điểm chung của nhiều học thuyết triết học trước đây. Khoa học hiện đại dù còn nhiều quan điểm khác nhau về tính đa dạng và phức tạp của thế giới nhưng đều đi đến một nhận thức chung là thế giới có thống nhất vật chất. Do đó, dù muốn hay không thì chúng ta cũng phải đi đến thừa nhận rằng: chúng ta đang tồn tại và sinh sống trong một môi trường sinh thái tuy đa dạng, phong phú nhưng thống nhất bởi tính vật chất của nó. Chính sự thống nhất đó đã làm cho sự tồn tại của chúng ta trở nên phụ thuộc lẫn nhau, không tách rời nhau.

*Hai là*, mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và con người với con người phụ thuộc vào trình độ phát triển xã hội. Con người và cả xã hội loài người vốn có nguồn gốc từ giới tự nhiên. Tuy nhiên, kể từ khi sinh ra, con người đã tự coi mình và xã hội của mình trở thành mặt đối lập với giới tự nhiên. Đây cũng là điểm khác biệt chính giữa con người và giới loài động vật. Tuy nhiên, dù phát triển đến mấy thì con người cũng không thể phủ nhận được rằng mình đang là một phần của tự nhiên cho dù đó là phương diện cá nhân hay xã hội. Có lẽ, vì vậy mà C.Mác đã khẳng định giới tự nhiên là “thân thể vô cơ của con người” (C.Mác & Ph.Ăngghen, 2000). Do đó, con người hãy đừng đi quá xa trong khả năng có thể để chứng tỏ “năng lực chinh phục tự nhiên” của mình. Con người hãy biết học cách “chung sống hoà bình” với giới tự nhiên và với giữa những con người với nhau. Cố nhiên, điều đó còn phụ thuộc vào khả năng nhận thức của mỗi người và trình độ phát triển chung của xã hội.

*Ba là*, con người là chủ thể tích cực trong việc điều khiển một cách có ý thức mối quan hệ giữa xã hội với tự nhiên. Khác với giới loài động vật, ngay từ khi mới sinh ra, sự tồn tại của con người không phụ thuộc một chiều vào tự nhiên mà trái lại đã chủ động tác động tích cực vào tự nhiên, tác động với nhau để tạo ra môi trường sống – một “thiên nhiên thứ hai” của chính mình. Do đó, có thể nói

rằng: con người chính là chủ thể tích cực trong việc điều khiển một cách có ý thức mối quan hệ giữa xã hội với tự nhiên. Ở đâu và khi nào, tính chủ thể tích cực của con người trong việc điều khiển một cách có ý thức mối quan hệ giữa xã hội với tự nhiên được phát huy thì nhất định sẽ tạo ra một môi trường sinh thái hài hoà và phát triển bền vững, ngược lại tất yếu sẽ dẫn đến sự tàn phá và sự khủng hoảng môi trường. Tuy nhiên, tính “tích cực” của chủ thể này còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: nhận thức của cá nhân, trình độ phát triển chung của xã hội, bản chất của chế độ chính trị và những điều kiện cụ thể khác,...

*Bón là*, xã hội cần phải phát triển bền vững. Có nhiều cách hiểu khác nhau về thuật ngữ “phát triển bền vững”. Tuy nhiên, cách hiểu chung nhất là theo quan điểm của Liên hợp quốc về *Môi trường và Phát triển*<sup>4</sup>. Theo đó, phát triển bền vững là phát triển kinh tế – xã hội lành mạnh, dựa vào việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện của môi trường sống của các thế hệ người hiện tại, nhưng không làm ảnh hưởng đến các thế hệ người tiếp theo trong việc thỏa mãn các nhu cầu về tài nguyên và môi trường. Sự phát triển bền vững của xã hội được đánh giá bằng những chỉ tiêu hay những thước đo nhất định trên cả ba mặt: kinh tế – xã hội, nhân văn và sinh thái môi trường (Phạm Thị Ngọc Trâm, 2016). Việc xác định nhận thức chung, nội dung và giải pháp nhằm xây dựng và phát triển bền vững đối với xã hội cũng được coi là nội dung quan trọng của triết học sinh thái.

Như vậy, có thể thấy, nội dung nghiên cứu của triết học sinh thái vừa rộng, vừa hẹp. Rộng vì xét đến cùng nội dung nghiên cứu của triết học sinh thái cũng cần bao quát toàn bộ các nội dung nghiên cứu của triết học nói chung. Đây là **điều kiện cần** để triết học sinh thái tồn tại và phát triển. Hẹp vì kết quả nghiên cứu của nó phải phản ánh được những quan điểm triết học cơ bản nhất của mỗi

trường phái, khuynh hướng triết học khác nhau về môi trường, về mối quan hệ giữa con người với môi trường và những quan điểm triết học cơ bản về việc xây dựng và phát triển môi trường sinh thái bền vững. Đây là **điều kiện đủ** để phân biệt triết học sinh thái với các chuyên ngành triết học khác cũng như phân biệt giữa triết học sinh thái với các khoa học khác về môi trường.

### 3.4. Những thách thức và triển vọng phát triển của triết học sinh thái

Loài người đã và đang chứng kiến sự thay đổi của hệ thống môi trường khí hậu (gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển,...) diễn ra liên tục trong suốt hàng triệu năm nhưng chưa có bao giờ sự thay đổi đó lại diễn ra gay gắt với tốc độ nhanh chóng như hiện nay. Đặc biệt, sự thay đổi của hệ thống môi trường khí hậu những năm gần đây đã tạo ra những hiệu ứng tiêu cực hết sức nghiêm trọng là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm xuất hiện hiện tượng nóng lên toàn cầu. Sự biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng đến các hệ sinh thái trên trái đất và tác động trực tiếp đời sống hàng ngày của con người với các hiệu ứng không mong muốn như: các hệ sinh thái bị phá hủy, mất đi sự đa dạng sinh học, các hiện tượng thời tiết bất thường như nắng nóng gay gắt, hạn hán, lũ lụt, băng tan, các dòng sông băng teo nhỏ, mực nước biển dâng cao, dịch bệnh, chiến tranh xung đột, từ đó đã góp phần tác động tiêu cực đến môi trường sống của con người. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi môi trường khí hậu, trong đó không thể không nói đến nguyên nhân từ những thói quen sinh hoạt và những hoạt động can thiệp thái quá của con người đến môi trường tự nhiên như: các hoạt động tạo ra các chất thải khí nhà kính, các hoạt động khai thác quá mức các bể hấp thụ và bể chứa khí nhà kính như sinh khối, rừng, các hệ sinh thái biển, ven bờ và đất liền khác,... Chưa bao giờ loài người lại đứng trước rất nhiều khó khăn, thử thách, đặc biệt là những khó khăn, thử thách từ sự thay đổi dẫn đến

<sup>4</sup> Quan điểm này được nêu ra lần đầu tiên tại Hội nghị thượng đỉnh về *Môi trường và Phát triển* của Liên hợp quốc tại Rio de Janeiro (Brasil) tháng 6 năm 1992.

khủng hoảng môi trường và những tác động tiêu cực của nó đến cuộc sống của chính con người như hiện nay.

Sự ra đời và phát triển của triết học sinh thái không chỉ là sự chọn lọc và kế thừa một cách tất yếu các tư tưởng về triết học sinh thái đã có từ trước đó trong lịch sử mà còn là kết quả tác động mạnh mẽ bởi các yếu tố của thời đại trong đó bối cảnh loài người đang đứng trước các nguy cơ về sự tồn tại và phát triển bền vững do tác động của xu hướng biến đổi khí hậu toàn cầu. Bối cảnh thực tiễn của nhân loại trên đây đã và đang có một sự tác động rất lớn đến nhận thức, tư duy của nhân loại, đồng thời nó cũng đặt ra cho bộ môn triết học sinh thái trước nhiều khó khăn, thách thức cũng như triển vọng phát triển.

*Thách thức lớn nhất* hiện nay của triết học sinh thái là việc tạo ra một định hướng chiến lược phát triển thống nhất trong bối cảnh xuất hiện ngày càng nhiều các khoa học về sinh thái cùng với nội dung và phương pháp tiếp cận về sinh thái rất đa dạng và phong phú. Đây là một mong muốn rất khó có khả năng trở thành hiện thực bởi trên thực tế các quan điểm về triết học sinh thái hiện nay có nhiều lập trường khác nhau, xuất hiện từ nhiều các quốc gia khác nhau. Do đó, việc tạo ra được một định hướng chiến lược phát triển thống nhất đối với triết học sinh thái trong điều kiện hiện nay sẽ rất khó có tính khả thi. Tuy nhiên, vấn đề này sẽ được khắc phục một phần nếu các nhà triết học sinh thái hiện nay tại các quốc gia có thể hợp mặt nhau thống nhất để thành lập ra một tổ chức ban đầu với tư cách là một hội nghiên cứu triết học chuyên ngành.

*Thách thức thứ hai* là triết học sinh thái có thể gặp phải trong quá trình phát triển của mình đó là sự cạnh tranh, tác động của một số bộ môn khoa học về sinh thái khác như đạo đức sinh thái, đạo đức môi trường hay kinh tế học sinh thái... dẫn tới làm thay đổi nội dung và hình thức nghiên cứu.

*Thách thức thứ ba* là khả năng kết nối liên ngành và tính độc lập trong việc đề xuất các kết quả nghiên cứu của triết học sinh

thái. Đây là thách thức liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu nghiên cứu của triết học sinh thái. Việc vượt qua thách thức sẽ tạo ra sự khác biệt về vai trò, vị trí của triết học sinh thái trong hệ thống trí thức khoa học hiện nay so với các bộ môn khoa học sinh thái khác.

Bên cạnh những khó khăn, thách thức thì triết học sinh thái cũng đang đứng trước các triển vọng phát triển to lớn:

*Một là*, về nội dung, với tính cách là một khoa học mang tính phổ quát, triết học sinh thái có nội dung nghiên cứu khá rộng, nó có thể nghiên cứu tiếp cận những vấn đề sinh thái dưới các góc độ thế giới quan, nhân sinh quan, đồng thời từ đó rút ra các nguyên tắc phương pháp luận phổ quát của sự nghiên cứu.

*Hai là*, về hình thức biểu hiện, cũng giống như một số chuyên ngành triết học hiện đại khác, triết học sinh thái là một trong những chuyên ngành triết học mang tính chất liên ngành khả năng tiếp cận nghiên cứu cũng như các hình thức thể hiện kết quả nghiên cứu cũng hết sức đa dạng. Chính tính chất đa dạng phong phú trong các hình thức thể hiện là yếu tố thuận lợi để triết học sinh thái có điều kiện phát triển và mở rộng phạm vi ảnh hưởng.

*Ba là*, về ý nghĩa nghiên cứu, sự hình thành và phát triển của triết học sinh thái trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa rất lớn cả về hai phương diện: thứ nhất về phương diện lí luận, nó góp phần bổ sung và hoàn thiện thêm đối tượng, nội dung và phạm vi nghiên cứu của triết học, nhất là triết học hiện đại; thứ hai, về phương diện thực tiễn, kết quả nghiên cứu của triết học sinh thái không chỉ góp phần tham gia giải quyết một trong những vấn đề lớn đang nảy sinh trong đời sống thực tiễn nhân loại ngày nay là vấn đề khủng hoảng sinh thái, hơn nữa triết học sinh thái với tính cách là một khoa học về thế giới quan và phương pháp luận có thể góp phần tham gia giáo dục nâng cao ý thức sinh thái, ý thức bảo vệ môi trường cho mỗi cá nhân hay cộng đồng mà nó tham gia khảo sát, nghiên cứu.

*Bốn* là, cùng với sự phát triển chung của nhận thức nhân loại về môi trường sinh thái và phát triển môi trường sinh thái bền vững, triết học sinh thái sẽ tiếp tục phát triển và sẽ trở thành một trong những bộ môn triết học chuyên ngành phổ biến và có sức ảnh hưởng lớn đến đời sống nhận thức chung của nhân loại trong tương lai.

### 3.5. Nghiên cứu triết học sinh thái ở Việt Nam hiện nay

Tại Việt Nam hiện nay, mặc dù khái niệm triết học sinh thái chưa được sử dụng phổ biến nhưng những nghiên cứu ban đầu về triết học sinh thái của nhiều tác giả và các công trình nghiên cứu cũng đã xuất hiện từ khá sớm với các kết quả nghiên cứu ban đầu dưới tên các chuyên ngành triết học khác nhau như: triết học trong khoa học tự nhiên (Philosophy in The natural sciences), triết học môi trường (Environmental Philosophy), đạo đức học sinh thái (Ecological Ethics),... Đặc biệt, những năm gần đây đã có nhiều tác giả bước đầu nghiên cứu và vận dụng các kết quả nghiên cứu triết học sinh thái vào phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam theo mô hình sinh thái bền vững. Điều này cũng phản ánh một xu hướng thực tế trong nghiên cứu và vận dụng kết quả nghiên cứu của triết học sinh thái trên thế giới nói chung và Việt Nam hiện nay nói riêng.

Xuất phát từ một trong những yếu tố tác động từ điều kiện thực tiễn khi “Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu” (Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, 2010) đã và đang đặt ra cho triết học sinh thái ở Việt Nam có cơ hội tiếp tục phát triển. Cũng giống như nhiều quốc gia trên thế giới, triết học sinh thái ở Việt Nam hiện nay cũng đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức nhưng cũng đầy triển vọng phát triển. Khó khăn và thách thức vì nếu so sánh với các kết quả nghiên cứu triết học sinh thái trên thế giới hiện nay thì những nghiên cứu triết học sinh thái tại Việt Nam còn khá non trẻ với kết quả nghiên cứu chưa nhiều, các định hướng nghiên cứu còn chưa được định hình một cách rõ ràng. Mặc dù

vậy, trong bối cảnh hiện nay, triển vọng nghiên cứu triết học sinh thái ở Việt Nam là rất lớn với việc xuất hiện ngày càng nhiều các tác giả và các công trình nghiên cứu dựa trên nhiều cách tiếp cận khác nhau trong đó xu hướng nghiên cứu triết học sinh thái dựa trên cơ sở lí luận và phương pháp luận mácxít vẫn được coi là xu hướng cơ bản và đã tạo ra nhiều kết quả nghiên cứu cơ bản. Nghiên cứu triết học sinh thái ở Việt Nam hiện nay không chỉ là xu thế tất yếu mà còn góp phần bổ sung lí luận cho đường lối đổi mới và là “động lực nội sinh cho sự phát triển bền vững đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021) như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra.

## 4. KẾT LUẬN

Với tính cách là một chuyên ngành triết học, triết học sinh thái là cách tiếp cận triết học – xã hội đối với hiện trạng môi trường sinh thái nhân văn, về sự tồn tại và thích ứng bền vững giữa sự tồn tại của con người trong môi quan hệ với tự nhiên và xã hội. Việc ra đời của triết học sinh thái là kết quả của sự hình thành và phát triển các tư tưởng về triết học sinh thái trong lịch sử tư tưởng của nhân loại, trong đó có các tư tưởng của các nhà sáng lập ra triết học Mác và một số tư tưởng triết học, đạo đức học hiện đại khác. Việc hình thành và phát triển của triết học sinh thái là một tất yếu trong lịch sử phát triển tư tưởng loài người. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, việc ra đời và phát triển của triết học sinh thái lại càng có một ý nghĩa hơn bao giờ hết. Mặc dù, sự hình thành và phát triển của triết học sinh thái trong điều kiện hiện nay còn gặp nhiều khó khăn và thách thức nhưng triển vọng phát triển của triết học sinh thái là vô cùng to lớn. Cùng với sự phát triển chung của nhận thức nhân loại về môi trường sinh thái và phát triển môi trường sinh thái bền vững, triết học sinh thái sẽ tiếp tục phát triển và sẽ trở thành một trong những bộ môn triết học chuyên ngành phổ biến và có sức ảnh hưởng lớn đến đời sống nhận thức chung của nhân loại trong tương lai.

## LỜI CẢM ƠN

Bài viết được tổng hợp từ nguồn tài liệu của chính tác giả, bài viết “Some issues in ecological philosophy”, đã được đăng tại Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ 14 về Khoa học xã hội và nhân văn năm 2018 (IC-HUSO 2018) được tổ chức tại Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Khon Kaen, Thái Lan.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Belshaw, C. (2001). *Environmental Philosophy*. England: Taylor & Francis Ltd. ISBN 978-1-902683-21-8
- Brenner, J.E. (2018). The Philosophy of Ecology and Sustainability: New Logical and Informational Dimensions. *Philosophies*, 3(2), 1–21. DOI: 10.3390/philosophies3020016
- C. Mác. (1973). *Tư bản, Quyển thứ nhất, tập 1*. Hà Nội: Nxb Sự thật
- C. Mác & Ph.Ăngghen. (1994). *Toàn tập, tập 20*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia
- C.Mác & Ph.Ăngghen. (1995). *Toàn tập, tập 42*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia
- C.Mác & Ph.Ăngghen. (2000). *Toàn tập, tập 42*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia
- C.Mác & Ph.Ăngghen. (2004). *Toàn tập, tập 20*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia
- Joshua, J.M. (2012). *Protagoras of Abdera: Of All Things Man Is The Measure*. Truy cập ngày 10/4/2024, từ <https://www.ancient.eu/article/61/protagoras-of-abdera-of-all-things-man-is-the-meas/>
- Hà Thúc Minh. (1996). *Triết học cổ đại Hy Lạp*. Cà Mau: Nxb Mũi Cà Mau
- Hồ Sĩ Quý. (2005). Về đạo đức môi trường. *Tạp chí triết học*, 9(172), 45–48
- Hội đồng Quốc gia. (2005). *Từ điển Bách khoa Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Từ điển Bách khoa
- Keller, D.R. & Golley, F.B. (2000). *The Philosophy of Ecology: From Science to Synthesis*. Georgia: University of Georgia Press
- Phạm Thị Ngọc Trâm. (2016). Nghiên cứu triết học – xã hội về môi trường sinh thái Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 2(99), 16–26
- Taylor & Peter J. (2014). *Philosophy of Ecology*. American: American Cancer Society. ISBN 9780470015902
- Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường. (2011). *Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Khoa học Kỹ thuật
- Weston. (1999). *An Invitation to Environmental Philosophy*. New York: Oxford University Press
- Ban chấp hành Trung ương. (2017). *Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ chính trị về Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*. Truy cập ngày 10/4/2024, từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-so-08-NQ-TW-phat-trien-du-lich-tro-thanh-nganh-kinh-te-mui-nhon-2017-338542.aspx>